

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 71 /SDCC -TCKT
(V/v: Công bố báo cáo Tài chính
Hợp nhất năm 2018 sau kiểm toán)

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
2. Mã chứng khoán: SDC
3. Trụ sở chính: Nhà G9 – Số 495 – Đường Nguyễn Trãi – Phường Thanh Xuân – Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 0243.8542209 Fax: 0243.8545855
5. Người công bố thông tin: Đinh Văn Duẩn
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 sau kiểm toán của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà lập ngày 18/3/2019 bao gồm: Báo cáo của Ban tổng giám đốc, Báo cáo kiểm toán độc lập, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sdcc.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây đúng là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận: 

- Như trên (theo k/g);
- Lưu TCKT, TCNS.



Đinh Văn Duẩn

**CÔNG TY CỔ
PHẦN TƯ VẤN
SÔNG ĐÀ**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Thanh Xuân,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG
ĐÀ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100105454
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-03-19 15:39:23
Foxit Reader Version: 9.1.0

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2005 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 0100105454, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 8 542 209
- Fax : 0243 8 545 855

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công lắp đặt hệ thống cơ điện - lạnh, hệ thống cơ điện dân dụng, công nghiệp đến 220KV (không bao gồm thiết kế công trình);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng lắp đặt thiết bị cơ khí trong công trình, lĩnh vực: lắp thiết bị công trình; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, công trình ngầm và mỏ; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng khu đô thị đến nhóm A (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã Đăng ký kinh doanh); Thiết kế các công trình xây dựng cầu và đường bộ; Thiết kế xây dựng ngầm, thiết kế khai thác mỏ; Thiết kế công trình thủy lợi; Thiết kế các công trình thủy công, thủy điện; Thiết kế nhà máy thủy điện; Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với: công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị; Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Thí nghiệm để xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất, đá, nền móng và vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng; Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn các công trình; Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A; Lập tổng dự toán các công trình dân dụng,

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	Bổ nhiệm 28 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Minh Tiến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 22 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Duẩn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đình Văn Duẩn

Ngày 18 tháng 3 năm 2019

Số: 2.0181/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019, từ trang 8 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 vào ngày 13 tháng 3 năm 2018 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V kiểm toán và đã thông báo Kết quả kiểm toán tại Thông báo số 197/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019. Căn cứ kết luận kiểm toán ngày 28 tháng 9 năm 2018, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2018 (xem thuyết minh VII.3).

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

Trần Kim Anh - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		76.312.792.675	102.559.242.664
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.228.360.930	5.838.367.818
1. Tiền	111		2.228.360.930	5.248.176.968
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	590.190.850
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.159.769.849	67.429.388.069
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	61.132.525.320	68.813.751.945
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	184.710.435	2.366.726.307
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.034.044.240	7.034.044.240
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	8.016.218.347	11.293.173.151
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(25.207.728.493)	(22.078.307.574)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	18.019.753.570	28.345.060.805
1. Hàng tồn kho	141		18.019.753.570	28.345.060.805
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		904.908.326	946.425.972
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	130.479.552	537.706.374
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		774.428.774	408.719.598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.044.100.225	29.032.830.545
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.225.024.069	18.412.129.653
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	16.225.024.069	17.355.110.241
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	1.057.019.412
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.441.282.259	7.773.752.625
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	6.441.282.259	7.773.752.625
<i>Nguyên giá</i>	222		25.159.043.424	28.273.759.744
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18.717.761.165)	(20.500.007.119)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		50.000.000	50.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(50.000.000)	(50.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		753.697.963	934.745.625
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	753.697.963	934.745.625
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.900.000.000	3.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.400.000.000)	(2.400.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.124.095.934	412.202.642
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	1.124.095.934	412.202.642
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		102.356.892.900	131.592.073.209

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		47.047.138.185	76.652.098.851
I. Nợ ngắn hạn	310		39.887.829.784	67.279.235.597
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3.328.975.430	6.671.549.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	8.141.083.301	16.938.139.495
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.067.629.901	3.123.469.217
4. Phải trả người lao động	314		7.267.991.148	14.636.344.921
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		355.383.417	2.251.137.040
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	13.742.342.950	15.975.580.094
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	5.068.287.526	6.999.292.855
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	916.136.111	683.722.801
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.159.308.401	9.372.863.254
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	4.312.022.578	4.256.774.969
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.524.179.400	2.926.151.559
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	693.000.000	1.309.417.984
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		630.106.423	630.106.423
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	250.412.319

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	55.309.754.715	54.939.974.358
I. Vốn chủ sở hữu	410		55.309.754.715	54.939.974.358
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
5. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.487.458.313	13.387.458.313
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.998.127.117	6.713.635.594
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.375.048.603	6.713.635.594
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.623.078.514	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		225.070.573	239.781.739
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		102.356.892.900	131.592.073.209

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đình Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	103.195.603.414	88.263.923.878
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	12.945.455
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		103.195.603.414	88.250.978.423
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	87.511.186.201	71.155.601.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.684.417.213	17.095.376.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.660.135.269	362.962.546
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	633.045.097	272.440.513
Trong đó: chi phí lãi vay	23		633.045.097	328.443.290
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		69.906.991	73.626.546
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.433.329.638	9.986.231.789
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.208.270.756	7.126.040.256
12. Thu nhập khác	31	VI.6	506.989.785	933.197.127
13. Chi phí khác	32	VI.7	221.201.494	1.912.333.900
14. Lợi nhuận khác	40		285.788.291	(979.136.773)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.494.059.047	6.146.903.483
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	885.691.699	2.038.317.567
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.608.367.348	4.108.585.916
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.623.078.514	4.169.455.268
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(14.711.166)	(60.869.352)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.048	1.261
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.048	1.261

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.494.059.047	6.146.903.483
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10	1.039.705.820	806.696.837
- Các khoản dự phòng	03		3.197.430.937	(973.862.708)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.490.406.014)	(495.853.151)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	633.045.097	328.443.290
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(420.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.873.834.887	5.392.327.751
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.677.393.156	(1.052.294.019)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		10.325.307.235	7.066.901.634
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(24.615.046.301)	(13.403.983.937)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		912.527.449	(425.659.244)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(633.045.097)	(328.443.290)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(1.076.190.479)	(1.433.195.910)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.906.857.488
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(647.000.000)	(843.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.817.780.850	(3.121.289.527)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.980.790.974)	(2.949.312.070)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		848.345.773	78.598.181
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	528.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		471.500.776	331.430.168
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(660.944.425)	(2.010.883.721)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G 9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	10.036.841.905	11.093.987.192
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(12.584.265.218)	(4.368.531.282)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.219.420.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.766.843.313)	6.725.455.910
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		389.993.112	1.593.282.662
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.838.367.818	4.245.085.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.228.360.930	5.838.367.818

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong năm, không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà có trụ sở chính tại thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 73,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp (số đầu năm là 73,5%)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty và công ty con có 237 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 260 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của công ty mẹ và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty và công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty và công ty con so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và công ty con với người mua là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

6. Các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và công ty con chủ yếu là Chi phí sửa chữa tài sản cố định và Chi phí Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty và công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty và công ty con đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	230.180.886	126.123.370
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.998.180.044	5.122.053.598
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	4.000.000.000	590.190.850
Cộng	6.228.360.930	5.838.367.818

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty và công ty con chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.900.000.000	(2.400.000.000)	3.900.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ⁽ⁱ⁾	1.500.000.000		1.500.000.000	
Cộng	3.900.000.000	(2.400.000.000)	3.900.000.000	(2.400.000.000)

- (i) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 240.034 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (tương đương 3,97% vốn điều lệ), trong đó: Giá trị đầu tư ban đầu là 1.500.000.000 VND tương đương với 150.000 cổ phiếu; cổ tức bằng cổ phiếu là 90.034 cổ phiếu.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty và công ty con năm nay và năm trước đều không có biến động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	30.499.971.420	39.861.307.744
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	9.693.822.551	9.225.880.105
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	577.691.182	648.299.231
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.400.433.763	3.627.535.367
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.036.475.381	1.172.939.052
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	45.482.760	4.980.565.578
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.065.933.200	1.305.254.566
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.040.256.031	1.732.119.868
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	3.511.863.494	2.936.327.893
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	31.432.804	19.634.204
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	381.549.699
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	3.888.299.806	7.967.951.791
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	40.282.000	58.000.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	188.406.637	164.075.455
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	35.362.843	35.362.843
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	30.632.553.900	28.952.444.201
Cộng	61.132.525.320	68.813.751.945

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	12.365.936.967	10.774.076.977
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	3.679.761.273	5.077.093.789
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	6.061.598.887	3.514.989.686
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	18.164.783	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	602.691.813	264.354.427
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	358.473.584	290.110.448
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	716.265.675	716.265.675
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	28.304.000	10.586.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	3.859.087.102	6.581.033.264
Cộng	16.225.024.069	17.355.110.241

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>184.710.435</i>	<i>2.366.726.307</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Địa kỹ thuật Sông Đà		1.966.800.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải Hà Nội	100.000.000	100.000.000
Công ty Tư vấn Xây dựng Licogi	74.710.435	74.710.435
Các nhà cung cấp khác	10.000.000	225.215.872
Cộng	184.710.435	2.366.726.307

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (là bên liên quan) vay với lãi suất theo lãi suất của Tổng công ty Sông Đà, thời hạn vay là 12 tháng.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.265.218.499</i>	<i>(2.034.988.077)</i>	<i>2.034.988.077</i>	<i>(588.905.815)</i>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào				
- Tiền lãi cho vay	4.145.201.349	(2.034.988.077)	2.034.988.077	(588.905.815)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Cổ tức	120.017.150			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.750.999.848</i>		<i>9.258.185.074</i>	
Ký cược, ký quỹ	1.125.660.100		6.072.402.984	
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	178.745.381		220.341.310	
Tạm ứng	1.934.922.815		2.680.179.397	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	511.671.552		285.261.383	
Cộng	8.016.218.347	(2.034.988.077)	11.293.173.151	(588.905.815)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Nợ xấu**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	<i>21.575.668.925</i>	<i>2.151.761.582</i>	<i>14.264.324.676</i>	<i>31.969.350.825</i>		<i>10.163.069.517</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	7.861.876.636		6.111.745.579	14.302.973.894		5.123.722.176
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Sông Đà	22.700.000		22.700.000	68.586.000		22.700.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I	35.362.843		35.362.843	35.362.843		35.362.843
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	349.960.199		349.960.199	1.097.815.374		349.960.199
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	3.554.755.806	656.489.326	409.937.416	7.967.951.790		30.020.300
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	9.751.013.441	1.495.272.256	7.334.618.639	8.496.660.924		4.601.303.999
<i>Trong đó:</i>						
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.605.812.092</i>	<i>1.495.272.256</i>	<i>4.110.539.836</i>	<i>6.461.672.847</i>		<i>4.012.398.184</i>
<i>Phải thu lãi vay</i>	<i>4.145.201.349</i>		<i>3.224.078.803</i>	<i>2.034.988.077</i>		<i>588.905.815</i>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>30.558.108.240</i>	<i>4.526.912.500</i>	<i>10.943.403.817</i>	<i>64.281.182.555</i>		<i>11.915.238.057</i>
Cộng	52.133.777.165	6.678.674.082	25.207.728.493	96.250.533.380		22.078.307.574

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	22.078.307.574	22.853.695.567
Trích lập dự phòng bổ sung	3.197.430.937	
Hoàn nhập dự phòng		(775.387.993)
Sử dụng dự phòng	(68.010.018)	
Số cuối năm	25.207.728.493	22.078.307.574

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.861.657	14.925.415
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	18.003.891.913	28.328.805.390
Công trình Thủy điện Xekaman 3	2.469.367.551	2.514.929.535
Trung tâm Điều hành Quảng Ninh	1.765.074.888	1.349.474.996
Công trình Thủy điện Lai Châu	173.247.863	4.378.912.242
Hàng hóa		1.330.000
Cộng	18.019.753.570	28.345.060.805

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí công cụ, dụng cụ còn phải phân bổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	17.543.487	45.343.016
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	947.210.201	163.098.634
Các chi phí trả trước dài hạn khác	159.342.246	203.760.992
Cộng	1.124.095.934	412.202.642

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.180.694.595	10.716.102.192	7.158.037.157	218.925.800	28.273.759.744
Mua trong năm		459.718.181	860.767.273		1.320.485.454
Thanh lý, nhượng bán	(1.613.250.000)	(702.228.842)	(2.119.722.932)		(4.435.201.774)
Số cuối năm	18.748.139.190	21.189.693.723	13.057.118.655	437.851.600	25.159.043.424
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.788.013.550	5.658.393.326	2.276.961.643	218.925.800	13.942.294.319
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.636.383.073	7.833.739.069	5.810.959.177	218.925.800	20.500.007.119
Khấu hao trong năm	83.959.196	728.071.476	227.675.148	-	1.039.705.820
Thanh lý, nhượng bán		(702.228.842)	(2.119.722.932)		(2.821.951.774)
Số cuối năm	13.440.684.538	16.421.392.248	9.957.545.718	437.851.600	18.717.761.165
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.544.311.522	2.882.363.123	1.347.077.980		7.773.752.625
Số cuối năm	5.307.454.652	4.768.301.475	3.099.572.937		6.441.282.259
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý					

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.057.102.098 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ.

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính đã hết khấu hao.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí sửa chữa tòa nhà G9. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	934.745.625
Chi phí phát sinh trong năm	1.036.146.257
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(1.217.193.919)
Số cuối năm	753.697.963

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	8.756.271	217.360.031
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	-	210.718.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.905.720	1.790.880
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	4.850.551	4.850.551
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	3.320.219.159	6.454.189.143
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	377.315.386	377.315.386
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	393.309.278	1.051.294.516
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	602.821.170	602.821.170
Các nhà cung cấp khác	1.946.773.325	4.422.758.071
Cộng	3.328.975.430	6.671.549.174

13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	50.635.584	50.635.584
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	50.635.584	50.635.584
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	4.261.386.994	4.206.139.385
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	456.983.154	456.983.154
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560
Các nhà cung cấp khác	1.363.298.862	1.308.051.253
Cộng	4.312.022.578	4.256.774.969

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	802.844.348	7.685.011.503
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	78.059.154	307.588.791
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	135.000.000	697.768.597
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xí nghiệp 206	-	100.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	5.871.461.608
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	99.765.204	306.476.915
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	344.888.000	344.888.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	145.131.990	156.727.592
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	7.338.238.953	9.253.127.992
Ban quản lý Dự án Vinacomin	1.204.545.455	1.204.545.455
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	1.328.441.660	1.727.216.310
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	-	1.775.000.000
Các khách hàng khác	4.805.251.838	4.546.366.227
Cộng	8.141.083.301	16.938.139.495

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.216.656.341	1.017.450.239	(2.002.300.536)	231.806.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp	862.785.730	885.691.699	(1.076.190.479)	672.286.950
Thuế thu nhập cá nhân	242.475.823	316.325.887	(543.705.016)	15.096.694
Tiền thuê đất	474.537.505	304.772.859	(779.310.364)	
Các loại thuế khác		4.000.000	(4.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	327.013.818	(354.483)	(178.219.122)	148.440.213
Cộng	3.123.469.217	2.527.886.201	(4.583.725.517)	1.067.629.901

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Công ty mẹ nộp thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ xuất khẩu là 0%, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%. Công ty con nộp thuế suất giá trị gia tăng cho dịch vụ cung cấp nước sạch là 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	881.043.061	1.635.788.654
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	4.648.638	402.528.913
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	885.691.699	2.038.317.567

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

<u>Vị trí đất</u>	<u>Mức tiền thuê</u>
- Trụ sở Công ty	
Đất nằm ngoài chỉ giới mở đường	537.593 VND/m ²
Đất nằm trong chỉ giới mở đường	268.797 VND/m ²

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	102.160.970	1.646.675.938
Tổng công ty Sông Đà - Cổ tức phải trả	-	1.330.952.000
Tổng công ty Sông Đà - Phí dịch vụ phải trả	102.160.970	315.723.938
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	13.640.181.980	14.328.904.156
Kinh phí công đoàn	463.652.013	350.087.187
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	45.365.889	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.278.758.000
Phải trả các tổ đội thi công	2.494.667.449	6.637.663.442
Phải trả tiền mượn vốn CBCNV	8.065.006.040	3.551.592.752
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.571.490.589	2.510.802.775
Cộng	13.742.342.950	15.975.580.094

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.524.179.400	2.926.151.559
Phải trả các tổ đội chờ quyết toán công trình	1.224.179.400	2.926.151.559
Nhận ký quỹ, ký cược	300.000.000	-
Cộng	1.524.179.400	2.926.151.559

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân		1.399.760.598
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ ⁽ⁱ⁾	4.130.564.022	5.599.532.257
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	937.723.504	-
Cộng	5.068.287.526	6.999.292.855

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Vay ngắn hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1400-LAV-201701260 ngày 30 tháng 8 năm 2017. Hạn mức vay ngắn hạn tối đa là: 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động thực hiện các công trình đã ký kết hợp đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 8 năm 2018. Khoản vay này được đảm bảo bằng: số dư Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 86/2017 phát hành ngày 27 tháng 9 năm 2017 trị giá 500.000.000 VND theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 01/HĐCCTSDB/SDC-LH ngày 27 tháng 09 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	6.999.292.855
Số tiền vay phát sinh	8.926.536.385
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	937.723.504
Số tiền vay đã trả	(11.795.265.218)
Số cuối năm	5.068.287.526

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾		559.417.984
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ ⁽ⁱⁱ⁾	693.000.000	750.000.000
Cộng	693.000.000	1.309.417.984

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 01/2016-HĐTD/NHCT127-HTTD-TVSD ngày 07 tháng 12 năm 2016 với mục đích thanh toán chi phí sửa chữa nhà làm việc G9 của Công ty. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 1.838.595.142 VND. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng Giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/ 1 năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 3 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Tài sản bảo đảm là một phần chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn số VB0067592 trị giá 5.486.402.984 VND theo Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng cầm cố giấy tờ số 01/2017-HĐCC-SDDBS02/NHCT127-TVSD ngày 24 tháng 01 năm 2017.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo hợp đồng số 1400-LAV-201701451 ngày 02 tháng 10 năm 2017 với mục đích để mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 800.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20 tháng 12 năm 2017. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng cho đến khi có thông báo về thay đổi lãi suất là 10%/ năm. Tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Toyota được quy định trong hợp đồng thế chấp tài sản số: Số công chứng 173772 quyền số 38/HĐTC ký ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	937.723.504	789.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	693.000.000	520.417.984
Trên 5 năm		
Cộng	1.630.723.504	1.309.417.984

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.309.417.984
Số tiền vay phát sinh	1.110.305.520
Số tiền vay đã trả	(789.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(937.723.504)
Số cuối năm	693.000.000

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	683.722.801	729.289.310	124.000	(647.000.000)	766.136.111
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		150.000.000			150.000.000
Cộng	683.722.801	879.289.310	124.000	(647.000.000)	916.136.111

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quĩ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đồng không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.287.458.313	5.985.763.572	300.651.091	54.172.971.688
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	4.169.455.268	(60.869.352)	4.108.585.916
Trích lập các quỹ	-	-	-	100.000.000	(831.873.246)	-	(731.873.246)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(2.609.710.000)	-	(2.609.710.000)
Số dư cuối năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.387.458.313	6.713.635.594	239.781.739	54.939.974.358
Số dư đầu năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.387.458.313	6.713.635.594	239.781.739	54.939.974.358
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	3.623.078.514	(14.711.166)	3.608.367.348
Trích lập các quỹ	-	-	-	100.000.000	(979.289.310)	-	(879.289.310)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(2.609.710.000)	-	(2.609.710.000)
Kết chuyển từ quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ	-	-	-	-	250.412.319	-	250.412.319
Số dư cuối năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	6.998.127.117	225.070.573	55.309.754.715

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

19b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	62	62
- Cổ phiếu phổ thông	62	62
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 40/NQ/2018/ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 5 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 2.609.971.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 100.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 729.289.310
• Thường cho Ban quản lý điều hành	: 150.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 25.760,28 USD (số đầu năm là 458,80 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	60.429.877.124	22.307.919.348
Doanh thu hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	41.941.092.590	65.187.305.730
Doanh thu cung cấp nước sạch	824.633.700	768.698.800
Cộng	103.195.603.414	88.263.923.878

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	3.324.290.210	605.776.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	62.641.805	259.587.952
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		434.268.446
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		181.024.256
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	38.493.180.246	37.536.311.869
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.274.159.820	1.509.074.272
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.537.496.389	9.313.461.991
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.322.366.479	2.739.436.264
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1		48.805.845
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	11.798.600	33.758.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	164.662.136	6.743.159.676

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hợp đồng xây dựng	52.160.297.493	17.229.649.581
Giá vốn hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật	34.764.846.142	53.202.827.108
Giá vốn dịch vụ cung cấp nước sạch	586.042.566	723.125.176
Cộng	87.511.186.201	71.155.601.865

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	429.904.847	362.854.970
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.017.150	
Lãi tiền cho vay	2.110.213.272	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		107.576
Cộng	2.660.135.269	362.962.546

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	633.045.097	328.443.290
Dự phòng/(hoàn nhập) tổn thất đầu tư tài chính	-	(96.110.353)
Chi phí tài chính khác	-	40.107.576
Cộng	633.045.097	272.440.513

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.608.421.610	8.047.994.576
Chi phí vật liệu quản lý	475.405.402	417.884.115
Chi phí đồ dùng văn phòng	375.793.989	176.349.434
Thuế, phí và lệ phí	469.088.046	317.159.973
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	2.008.340.211	-774.387.461
Chi phí dịch vụ mua ngoài	833.331.725	761.196.069
Các chi phí khác	1.662.948.655	1.040.035.083
Cộng	13.433.329.638	9.986.231.789

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định		78.598.181
Thu tiền phạt an toàn lao động	22.800.000	
Tiền đền bù	418.181.818	
Thu nhập khác	66.007.967	854.598.946
Cộng	506.989.785	933.197.127

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	169.729.255	
Thuế bị phạt, bị truy thu	16.462.239	1.824.219.530
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị		80.000.000
Chi phí khác	35.010.000	8.114.370
Cộng	221.201.494	1.912.333.900

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.623.078.514	4.169.455.268
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(886.929.620)	(879.289.310)
- Trích thưởng cho Ban quản lý điều hành	(735.484.938)	(729.289.310)
- Trích thưởng cho Ban quản lý điều hành	(151.444.682)	(150.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.736.148.894	3.290.165.958
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.609.648	2.609.648
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.048	1.261

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	2.609.648	2.609.648
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.609.648	2.609.648

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích thưởng cho Ban quản lý điều hành khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.598 VND xuống còn 1.261 VND.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.687.508.676	9.924.569.496
Chi phí nhân công	56.242.103.728	44.998.464.050
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.039.705.820	806.696.837
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.484.792.254	17.230.402.976
Chi phí khác	14.902.352.536	1.332.445.526
Cộng	111.356.463.014	74.292.578.885

10. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	493.591.061	493.591.061
Trên 1 năm đến 5 năm	1.974.364.245	1.974.364.245
Trên 5 năm	15.228.298.466	15.712.648.782
Cộng	17.696.253.772	18.180.604.088

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 996.4 m2 đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là nơi đặt trụ sở chính của Công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m2 869,9 m2 đất nằm ngoài chỉ giới mở rộng đường và 268.797 VND/m2/năm với 96,5 m2 đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 1.236.994.106 VND (năm trước là 1.509.486.402 VND).

1a. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty và công ty con gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Việt Lào	Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty và công ty con chỉ phát sinh giao dịch trả cổ tức cho Tổng Công ty Sông Đà - CTCP, số tiền: 1.331.100.000 VND (năm trước không phát sinh).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.7, V.13, V.14 và V.17a.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty và công ty con được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty và Công ty con như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	42.765.726.290	60.429.877.124	103.195.603.414
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.765.726.290	60.429.877.124	103.195.603.414
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.013.666.258	5.670.750.955	15.684.417.213
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.168.267.273	152.218.181	1.320.485.454
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	640.846.067	398.859.753	1.039.705.820
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	65.956.004.530	22.307.919.348	88.263.923.878
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.956.004.530	22.307.919.348	88.263.923.878
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	13.110.040.574	3.985.335.984	17.095.376.558
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.762.050.909	309.669.091	2.071.720.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	513.379.966	293.589.871	806.969.837

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V kiểm toán và đã thông báo Kết quả kiểm toán tại Thông báo số 197/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo Kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo số 197/TB-KTNN ngày 15 tháng 01 năm 2019 như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán tổng hợp				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	66.686.411.422	2.127.340.523	68.813.751.945
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(22.531.883.388)	453.575.814	(22.078.307.574)
Hàng tồn kho	141	29.652.175.988	(1.307.115.183)	28.345.060.805
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.620.584.422	502.884.795	3.123.469.217
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1.982.066.909	269.070.131	2.251.137.040
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	6.211.789.366	501.846.228	6.713.635.594
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	86.329.977.948	1.933.945.930	88.263.923.878
Giá vốn hàng bán	11	69.538.170.239	1.617.431.626	71.155.601.865
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	10.439.807.603	(453.575.814)	9.986.231.789
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.770.073.677	268.243.890	2.038.317.567
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	01	5.376.813.365	770.090.118	6.146.903.483
Các khoản dự phòng	03	(520.286.894)	(453.575.814)	(973.862.708)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.075.046.504	(2.127.340.523)	(1.052.294.019)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	5.759.786.451	1.307.115.183	7.066.901.634
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(13.907.694.973)	503.711.036	(13.403.983.937)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn